

BÀN VỀ QUY ĐỊNH NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC QUYỀN HƯỞNG DI SẢN THEO ĐIỀU 621 BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015

Nguyễn Thị Hường*, Lưu Việt Hùng

Khoa Chính trị, Tâm lý và GDTC, Trường Đại học Hải Phòng

**Email: huongnt89@dhhp.edu.vn*

Ngày nhận bài: 07/9/2025

Ngày nhận bài sửa: 09/10/2025

Ngày duyệt đăng: 12/11/2025

Tóm tắt: Quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 về người không được quyền hưởng di sản là một trong những nội dung thể hiện rõ quan điểm lập pháp tiến bộ trong việc bảo vệ đạo đức xã hội, truyền thống nhân văn và nguyên tắc công bằng trong thừa kế. Trong bối cảnh hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn chưa dự liệu hết được những tình huống phức tạp trên thực tiễn, điều đó dẫn đến số vụ tranh chấp về thừa kế bị kéo dài và tồn đọng, không thể không kể đến những vụ tranh chấp liên quan đến người không được quyền hưởng di sản. Trong bài viết này, tác giả làm rõ quy định của pháp luật, hậu quả pháp lý về người không được quyền hưởng di sản; đồng thời đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật, để việc hiểu và áp dụng điều 621 được thống nhất trong thực tiễn.

Từ khóa: Người không được hưởng di sản, quyền thừa kế, thừa kế.

DISCUSSION ON THE REGULATIONS ON PERSONS NOT ENTITLED TO INHERITANCE UNDER ARTICLE 621 OF THE 2015 CIVIL CODE

Abstract: The provisions of Article 621 of the 2015 Civil Code on persons not entitled to inherit are one of the contents that clearly demonstrate the progressive legislative viewpoint in protecting social ethics, humanistic traditions and the principle of fairness in inheritance. Vietnamese legal system has not fully foreseen the complex situations in every real - life yet leading to an increasing in pending inheritance cases particularly related to persons not entitled to inherit. In this article, the author clarifies the provisions of the law, the legal consequences of persons not entitled to inherit; at the same time, makes recommendations to improve the provisions of the law, so that the understanding and application of Article 621 are unified in practice.

Keywords: Disinherited, inheritance rights, inheritance.

1. Đặt vấn đề

Thừa kế là một trong những chế định pháp luật có vai trò quan trọng trong Bộ luật Dân sự (BLDS), đó là việc dịch chuyển tài sản của người chết để lại cho những người thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định pháp luật. Người thừa kế chỉ được nhận di sản khi được coi là xứng đáng hưởng theo quy định pháp luật; tức là, họ không có hành vi vi phạm nghiêm trọng hay hành vi trái đạo đức xã hội như: xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, ... của người để lại di sản và những người khác, là căn cứ để pháp luật tước bỏ quyền hưởng di sản, đưa họ vào nhóm “người không được quyền hưởng di sản”. Bên cạnh đó, ngay cả khi không vi phạm các căn cứ pháp luật nói trên, người thừa kế vẫn có thể bị loại khỏi danh sách được hưởng di sản nếu bị người để lại di sản truất quyền thừa kế. Một người khi bị truất thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì đều không còn quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Tuy nhiên, trong bài viết, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật, hậu quả pháp lý về người bị tước quyền hưởng di sản quy định tại Điều 621 BLDS năm 2015, từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về người không được quyền hưởng di sản.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về chế định thừa kế hiện nay chủ yếu tập trung vào việc phân tích những vấn đề chung của thừa kế theo pháp luật. Chẳng hạn, bài viết

“Một số vấn đề về quyền thừa kế theo Bộ luật Dân sự 2015” của TS. Nguyễn Thị Thu Hà đăng trên *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 2/2017 đã đề cập đến những nội dung cơ bản của quyền thừa kế; hay công trình “Một số vướng mắc về người thừa kế theo pháp luật và đề xuất, kiến nghị” của tác giả Phan Thành Nhân đăng trên *Tạp chí Tòa án* ngày 13/9/2019 tập trung làm rõ những bất cập trong việc xác định người thừa kế theo pháp luật và đưa ra kiến nghị hoàn thiện. Bên cạnh đó, bài viết “Bảo vệ quyền thừa kế trong pháp luật dân sự Việt Nam” của PGS.TS. Phạm Văn Tuyết đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 12/2020 đã phân tích cơ chế bảo vệ quyền thừa kế của cá nhân trong pháp luật dân sự.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, các công trình nêu trên mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu tổng thể chế định thừa kế và một số khía cạnh liên quan, trong đó có nhắc đến quy định về người không được quyền hưởng di sản. Dù vậy, nội dung này chưa được phân tích một cách chuyên sâu và toàn diện. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu liên quan, bài viết tập trung phân tích các quy định pháp luật về những trường hợp không được quyền hưởng di sản và hậu quả pháp lý của việc này, đồng thời đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu được xây dựng dựa trên phép biện chứng duy vật, biện chứng lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

cùng đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

3. Giải quyết vấn đề

3.1. Khái niệm người không được quyền hưởng di sản

Theo quy định tại khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật thừa kế đặt ra cơ chế loại trừ quyền hưởng di sản đối với những người có hành vi trái pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức xã hội, xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản hoặc của người thừa kế khác. Cụ thể, các trường hợp bao gồm: (i) người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc có hành vi ngược đãi, hành hạ, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản; (ii) người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người để lại di sản; (iii) người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng của người thừa kế khác nhằm chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ di sản; (iv) người có hành vi gian dối, cưỡng ép hoặc cản trở việc lập di chúc, hoặc có hành vi làm giả, sửa chữa, hủy bỏ, che giấu di chúc nhằm hưởng thừa kế trái với ý chí của người để lại di sản. Tuy nhiên, pháp luật cũng ghi nhận ngoại lệ, theo đó nếu người để lại di sản biết rõ hành vi vi phạm nhưng vẫn cho phép người vi phạm được hưởng di sản trong di chúc, thì di chúc đó vẫn có hiệu lực đối với họ. Ngoài trường hợp ngoại lệ này, những chủ thể nêu trên mặc nhiên bị tước quyền thừa kế.

Như vậy có thể hiểu: *người không được quyền hưởng di sản là những người đáng ra được hưởng di sản do người chết để lại theo pháp luật và/hoặc theo di chúc nhưng vì có hành vi trái quy định của pháp luật; trái đạo đức xã hội đối với người để lại di sản nên không được quyền hưởng di sản do người chết để lại, trừ trường hợp người để lại di sản vẫn cho họ được hưởng theo di chúc.*

3.2. Quy định của pháp luật về người không được quyền hưởng di sản theo BLDS năm 2015

3.2.1. Các trường hợp người không được quyền hưởng di sản

a. Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó

Hành vi cố ý xâm phạm tính mạng của người để lại di sản được hiểu là việc người thừa kế chủ động thực hiện những hành động trái pháp luật, dẫn đến cái chết của người có di sản. Xét về yếu tố lỗi, người thực hiện hành vi đã ý thức rõ mức độ nguy hiểm và biết chắc hậu quả chết người có thể xảy ra. Tuy nhiên, họ vẫn mong muốn hậu quả đó xảy ra (trường hợp cố ý trực tiếp) hoặc tuy không mong muốn nhưng sẵn sàng chấp nhận để hậu quả xảy ra (trường hợp cố ý gián tiếp). Do đó, nếu cái chết xảy ra chỉ do lỗi vô ý thì người gây ra không thuộc diện bị tước quyền hưởng di sản; việc phân định rõ lỗi cố ý hay vô ý

trong trường hợp này là yếu tố quyết định để xác định quyền thừa kế.

Đối với hành vi cố ý gây tổn hại sức khỏe của người để lại di sản, đây là sự tác động làm suy giảm thể lực, gây thương tổn cho các bộ phận cơ thể hoặc tạo ra chấn thương tâm lý, phá vỡ trạng thái bình thường của cơ thể. Trong những trường hợp nhất định, hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định pháp luật. Người thực hiện hành vi trên chỉ bị tước quyền hưởng di sản khi đã có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật đối với hành vi¹.

Hành vi ngược đãi hoặc xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản là những hành vi trái quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội, như việc bỏ mặc, chửi bới hoặc các hành vi khác khiến người để lại di sản đau khổ về tinh thần, bị xúc phạm danh dự hoặc chịu đựng khổ sở về thể xác. Khi những hành vi này được chứng minh và đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định pháp luật thì người vi phạm sẽ bị tước quyền hưởng di sản.

b. Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản

Sự giúp đỡ vật chất, quan tâm chăm sóc về tinh thần giữa các thành viên trong

gia đình vốn là truyền thống của dân tộc Việt Nam và đã được pháp luật về hôn nhân gia đình xác định là một nghĩa vụ pháp luật. Sự chăm lo về vật chất giữa người này đối với người kia khi họ cùng chung sống thì được gọi là nuôi dưỡng, nếu họ không sống chung với nhau sẽ được gọi là cấp dưỡng. Người thừa kế bị coi là có hành vi vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng là người được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định có nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản nhưng họ không thực hiện nghĩa vụ đó. Do vậy, để đánh giá hành vi vi phạm nghiêm trọng, cần phân tích theo hai trường hợp sau:

Trường hợp: Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ nuôi dưỡng khi sống chung

+ Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ cha mẹ - con và ngược lại

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ là trách nhiệm pháp lý của các con, đặc biệt trong những trường hợp cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, sức khỏe suy giảm, mắc bệnh nặng hoặc bị khuyết tật. Nếu người con trưởng thành có khả năng kinh tế nhưng cố tình bỏ mặc cha mẹ, không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng, thì hành vi này có thể được coi là vi phạm nghiêm trọng và bị tước quyền hưởng di sản do cha mẹ để lại.

¹ PGS.TS Phùng Trung Tập (2022), Pháp luật thừa kế ở Việt Nam - Nhận thức và Áp dụng, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.

Trong trường hợp người để lại di sản là con, pháp luật quy định cha mẹ phải thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không thể lao động và không có tài sản để tự bảo đảm cuộc sống. Trong thừa kế theo pháp luật, cha mẹ luôn được xếp vào hàng thừa kế của con; tuy nhiên, nếu không hoàn thành nghĩa vụ nuôi dưỡng trong những tình huống nêu trên, quyền hưởng di sản sẽ không được công nhận.

Đối với thừa kế theo di chúc, cha mẹ chỉ được nhận di sản khi đáp ứng một trong các điều kiện: (i) con đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi lập di chúc; (ii) con từ đủ mười lăm tuổi trở lên và có sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ; (iii) con đã thành niên nhưng bị tàn tật song vẫn còn năng lực hành vi dân sự. Nếu cha mẹ thuộc diện có nghĩa vụ nuôi dưỡng nhưng không thực hiện, hành vi này được coi là vi phạm và có thể dẫn đến việc bị tước quyền hưởng di sản, kể cả trong trường hợp đã được chỉ định trong di chúc.²

+ Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ anh, chị, em

Theo quy định tại Điều 105 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không

còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Nếu anh, chị, em trưởng thành có khả năng nhưng từ chối thực hiện nghĩa vụ, hành vi này có thể được coi là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng và dẫn đến hậu quả pháp lý, bao gồm việc bị tước quyền hưởng di sản theo Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015. Quy định này vừa bảo vệ quyền lợi của người không còn sự chăm sóc của cha mẹ, vừa đảm bảo trách nhiệm hỗ trợ lẫn nhau trong gia đình, góp phần duy trì sự ổn định và công bằng trong các quan hệ huyết thống ngang hàng.

+ Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ ông bà - cháu và ngược lại

Theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông bà có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng thì ông bà có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. Ngược lại, cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà; trường hợp ông bà không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Trong trường hợp ông bà hoặc cháu từ chối không chăm sóc hoặc không phụng dưỡng khi có khả năng thực hiện là hành vi vi phạm nghiêm trọng

² TS. Phạm Văn Tuyết - TS. Lê Kim Giang (2017), Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp, NXB Tư pháp

nghĩa vụ nuôi dưỡng. Vì thế, nếu ông bà chết thì cháu không được quyền hưởng di sản và ngược lại.

+ *Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột*

Trong quan hệ cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột, các bên có quyền và nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trong trường hợp cha mẹ của cháu đã mất hoặc không có khả năng nuôi dưỡng, cô, dì, chú, cậu, bác trưởng thành có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu chưa thành niên hoặc cháu đã thành niên nhưng mất khả năng hành vi dân sự và không có khả năng tự nuôi mình. Ngược lại, cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng cô, dì, chú, cậu, bác khi những người này thuộc diện cần được chăm sóc và không còn khả năng tự chăm lo. Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng thì cũng bị tước quyền hưởng di sản theo Điều 621.

+ *Người để lại di sản và người thừa kế có quan hệ vợ chồng*

Trong trường hợp người để lại di sản là vợ hoặc chồng bị khuyết tật chết, nếu người còn sống không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc đối với người đã chết khi họ còn sống, thì sẽ không được quyền hưởng di sản.

- *Trường hợp: Người để lại di sản và người thừa kế không sống chung hoặc*

sống chung nhưng trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng

Nghĩa vụ cấp dưỡng nhau giữa những người thân thuộc do pháp luật quy định. Quan hệ nhân giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, ông bà và cháu, anh, chị, em ruột đối với nhau, cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột gắn với nghĩa vụ cấp dưỡng nhau khi có sự kiện phát sinh cần phải cấp dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng có tính chất gắn liền với nhân thân của chủ thể và không thể chuyển dịch cho chủ thể khác, không thể giao cho người khác.

Người thừa kế đã vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng người để lại di sản bị Tòa án kết án về hành vi đó bị tước quyền thừa kế. Điều 186 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, làm cho người được cấp dưỡng lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 380 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*”

c. *Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng*

Trường hợp một người thừa kế cố ý xâm phạm tính mạng của người thừa kế khác nhằm chiếm đoạt toàn bộ hoặc một phần di sản mà người bị hại đáng lẽ được hưởng và hành vi đó đã được Tòa án kết luận bằng bản án có hiệu lực pháp luật, thì đây là căn cứ để tước quyền hưởng di sản của người vi phạm. Điểm đặc thù của trường hợp này là việc tước quyền chỉ phát sinh khi chứng minh được động cơ chiếm đoạt di sản, khác với một số dạng tước quyền khác vốn không đặt nặng yếu tố mục đích.

Trong thực tế, không phải hành vi giết hại các đồng thừa kế đều liên quan đến ý định chiếm đoạt tài sản thừa kế. Có những vụ việc bắt nguồn từ mâu thuẫn cá nhân, ghen tuông hoặc xung đột trong quá trình phân chia di sản nhưng không nhằm chiếm phần của người khác. Do đó, khi vận dụng quy định này, cần xác định một cách chính xác đối tượng bị xâm hại có phải là “người thừa kế khác” theo quy định của pháp luật hoặc theo nội dung di chúc hay không, đồng thời phải làm rõ liệu hành vi được thực hiện có nhằm mục đích chiếm đoạt toàn bộ hoặc một phần di sản mà người đó đáng lẽ được hưởng.

d. Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản

+ Hành vi lừa dối trong lập di chúc là việc cố ý đưa thông tin sai sự thật khiến

người để lại di sản hiểu sai và lập di chúc theo hướng có lợi cho người lừa dối. Tuy nhiên, để hành vi này trở thành căn cứ pháp lý dẫn đến việc tước quyền hưởng di sản, cần chứng minh rằng mục đích cuối cùng của người gian dối là nhằm chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ tài sản thừa kế trái ngược với ý chí thực sự của người để lại di sản.

+ Hành vi cưỡng ép trong quá trình lập di chúc được hiểu là việc sử dụng biện pháp tác động về thể chất hoặc tinh thần, đặt người lập di chúc vào hoàn cảnh không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải tuân theo yêu cầu của người cưỡng ép. Hệ quả là di chúc được lập ra không phản ánh đúng ý chí ban đầu của người để lại di sản, mà bị chi phối bởi mong muốn của người cưỡng ép.

+ Ngăn cản việc lập di chúc là hành vi cố ý sử dụng các thủ đoạn như đe dọa, gây áp lực tinh thần, cưỡng ép hoặc tạo ra những trở ngại khác khiến người có tài sản không thể tự do bày tỏ ý chí về việc định đoạt di sản của mình. Kết quả của sự cản trở này là di chúc có thể không được lập ra, hoặc nếu đã lập thì nội dung không phản ánh đúng mong muốn thực sự của người để lại di sản.

+ Hành vi giả mạo di chúc được hiểu là việc một cá nhân tự ý soạn thảo văn bản thừa kế theo ý muốn của mình, nhưng mạo danh đó là di chúc của người để lại tài sản. Mục đích của hành vi này thường nhằm thay thế di chúc thật hoặc tạo ra sự nhầm tưởng rằng người đã chết có lập di chúc, từ

đó làm sai lệch ý chí thực sự của họ về việc phân chia di sản.

+ Hành vi sửa chữa di chúc là hành vi tự ý thay đổi nội dung di chúc đã lập, chẳng hạn như xóa, thêm từ ngữ hoặc chỉnh sửa các chi tiết liên quan đến người được hưởng di sản, phân tài sản được chia, ... Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của những người thừa kế theo di chúc.

+ Hủy di chúc là hành vi có chủ ý làm cho bản di chúc của người để lại di sản không còn tồn tại hoặc không thể nhận diện được về mặt vật chất, dẫn đến việc văn bản này mất hoàn toàn giá trị pháp lý.

+ Hành vi che giấu di chúc là điểm mới được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, người biết rõ sự tồn tại của bản di chúc nhưng cố ý giấu đi, không công bố hoặc ngăn không cho người khác biết và thực hiện nội dung di chúc sẽ bị coi là có hành vi trái pháp luật. Trường hợp một người cố tình che giấu di chúc với mục đích làm cho di sản được chia theo pháp luật để được hưởng phần nhiều hơn, thì người đó sẽ bị mất quyền thừa kế. Việc chứng minh có thể dựa vào các bằng chứng như: người đó từng giữ bản di chúc, có lời nói hoặc hành vi thể hiện sự giấu giếm, ...

Nếu một người có hành vi nhằm chiếm đoạt di sản trái với nguyện vọng của người để lại, thì hành vi đó bị xem là vi phạm pháp luật và có thể dẫn đến việc mất quyền hưởng thừa kế. Trong trường hợp có dấu hiệu cho thấy di chúc đã bị sửa đổi nội dung, bị hủy hoại hoặc bị che giấu

bởi một trong các đồng thừa kế nhằm trục lợi, thì cá nhân khởi kiện hoặc người có quyền lợi liên quan phải xuất trình được chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Việc xác minh di chúc bị giả mạo, bị sửa đổi hay bị che giấu có thể tiến hành thông qua lời khai của nhân chứng, kết quả giám định chữ ký, chữ viết, con dấu của người lập hoặc người làm chứng, cũng như từ những dấu hiệu bất thường trong khối tài sản của người bị nghi ngờ. Tuy nhiên, riêng đối với trường hợp di chúc bị tiêu hủy thì việc chứng minh trở nên gần như bất khả thi, bởi bản gốc đã không còn tồn tại. Trong trường hợp này, việc phân chia di sản sẽ được tiến hành theo các quy định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật.

3.2.2. Hệ quả pháp lý của người không được quyền hưởng di sản

Quy định tại Điều 621 BLDS năm 2015, là chế định mang tính loại trừ nhằm bảo vệ ý chí của người để lại di sản, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong phân chia tài sản, đồng thời thể hiện tính tôn nghiêm của pháp luật đối với các hành vi vi phạm đạo đức, trái pháp luật. Từ những phân tích ở trên có thể thấy việc xác định một người không được hưởng di sản kéo theo nhiều hệ quả pháp lý quan trọng trong quan hệ thừa kế:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định rằng những người có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp nêu trên sẽ mất quyền hưởng di sản,

bất kể di sản đó được để lại theo di chúc hay theo quy định thừa kế theo pháp luật. Trong trường hợp người lập di chúc không hay biết về hành vi vi phạm và vẫn để lại phần di sản cho họ, thì nội dung di chúc liên quan sẽ không được công nhận. Quyền hưởng di sản chỉ có giá trị nếu người để lại di sản biết rõ hành vi vi phạm nhưng vẫn thể hiện ý chí cho phép họ thừa kế. Quy định này phản ánh nguyên tắc đạo đức và nguyên tắc ý chí tự do trong pháp luật dân sự. Ví dụ, trong vụ việc tranh chấp di sản giữa các con của ông A, mặc dù trước đó ông A đã lập di chúc để lại di sản cho C, nhưng sau khi ông A chết, C bị Tòa án kết án về hành vi cố ý gây thương tích cho ông A. Trên cơ sở đó, C bị xác định thuộc trường hợp không được hưởng di sản theo quy định của pháp luật, do vậy C bị tước quyền hưởng di sản.

Thứ hai, khoản 1 Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về cơ chế thừa kế bắt buộc, theo đó các chủ thể như con chưa thành niên, cha mẹ, vợ hoặc chồng, và con đã thành niên nhưng mất khả năng lao động vẫn được bảo đảm một phần di sản, kể cả khi không được chỉ định trong di chúc. Tuy nhiên, khoản 2 của điều luật này đặt ra giới hạn, theo đó những người thuộc diện hưởng kỷ phần bắt buộc sẽ không được nhận phần di sản này nếu đồng thời rơi vào các trường hợp bị tước quyền hưởng di sản theo Điều 621. Quy định này phản ánh quan điểm lập pháp: ưu tiên bảo vệ quyền tự do định đoạt của người để lại

di sản và giữ gìn các giá trị đạo đức - xã hội, hơn là bảo lưu quyền lợi cho những cá nhân tuy có hoàn cảnh đặc thù nhưng đã vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực pháp lý hoặc đạo lý.

Thứ ba, người không có quyền hưởng di sản cũng không được tham gia vào việc định đoạt hoặc phân chia di sản, kể cả khi di sản được chia theo pháp luật. Căn cứ Điều 656 Bộ luật Dân sự 2015, việc phân chia di sản phải dựa trên sự thỏa thuận của tất cả những người có quyền thừa kế, nhưng những người bị tước quyền sẽ không được tham gia vào quá trình này dưới bất kỳ hình thức nào. Việc hợp mặt phân chia di sản giữa những người thừa kế chỉ bao gồm những chủ thể hợp pháp được công nhận có quyền hưởng di sản. Điều này đồng nghĩa với việc người không được quyền hưởng di sản không có tư cách pháp lý để tham gia ký kết các văn bản phân chia, không thể nhận tài sản, cũng không thể yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận chia tài sản.

Thứ tư, người bị tước quyền thừa kế không phát sinh trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán các nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, chỉ các chủ thể có tư cách thừa kế hợp pháp mới phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi giá trị phần di sản mà họ được hưởng. Tuy nhiên, người không được quyền hưởng di sản không có nghĩa vụ kế thừa các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm dân sự

hoặc nghĩa vụ thuế của người chết. Điều này bảo đảm nguyên tắc tương xứng giữa quyền lợi và nghĩa vụ trong pháp luật dân sự. Tuy nhiên, nếu người bị loại trừ cố tình nhận di sản hoặc đã sử dụng tài sản di sản mà không có quyền, thì họ có thể phải hoàn trả lại di sản hoặc bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế hợp pháp.

Thứ năm, cá nhân bị tước quyền hưởng di sản không được quyền khởi kiện để đòi chia di sản hay yêu cầu xác lập quyền sở hữu đối với phần thừa kế. Trong tổ tụng dân sự, nguyên tắc cơ bản là chỉ những chủ thể có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc tranh chấp mới có tư cách khởi kiện trước Tòa án. Trong trường hợp này, người không được quyền hưởng di sản không có quyền tài sản phát sinh từ quan hệ thừa kế, nên cũng không thể yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi mà họ không có. Ví dụ, trong vụ án tranh chấp di sản giữa các con của bà X, người con D bị loại trừ vì đã có hành vi ngược đãi bà X khi bà còn sống. Sau khi bà X chết, D nộp đơn yêu cầu chia di sản nhưng bị Tòa án bác yêu cầu vì không có quyền lợi hợp pháp liên quan đến di sản, căn cứ theo Điều 621 và nguyên tắc về tư cách chủ thể khởi kiện trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ sáu, phần di sản mà người bị tước quyền hưởng lẽ ra được nhận sẽ được phân bổ lại cho những người thừa kế khác. Trong trường hợp di sản được phân chia theo pháp luật, phần di sản tương ứng sẽ được phân chia cho các đồng thừa kế cùng hàng theo nguyên tắc bình đẳng. Nếu việc

phân chia căn cứ vào di chúc mà người bị tước quyền hưởng không có thừa kế thế vị, thì phần di sản này được coi là chưa được định đoạt và sẽ được giải quyết theo quy định tại các Điều 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quy định về việc tước quyền hưởng di sản đối với những chủ thể có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đạo đức, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản hoặc của các đồng thừa kế khác chính là sự thể hiện nguyên tắc công bằng và thiện chí trong pháp luật thừa kế. Đồng thời, quy định này có giá trị răn đe và phòng ngừa, nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm sự tôn trọng đối với ý chí của người lập di chúc và các quy tắc đạo đức xã hội.

3.3. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về người không được quyền hưởng di sản

Những quy định về người không được quyền hưởng di sản tại Điều 621 BLDS năm 2015 có những tiến bộ không thể phủ nhận, tuy nhiên trên thực tiễn áp dụng cũng bộc lộ một số điểm hạn chế. Để khắc phục những hạn chế của pháp luật và để những quy định của pháp luật được áp dụng đúng nhất, chính xác nhất tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Một là, việc xác định “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng” cần được làm rõ thông qua các tiêu chí cụ thể, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc

áp dụng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế. Thay vì chỉ nêu khái niệm chung chung, văn bản hướng dẫn nên quy định rõ các yếu tố nhận diện, ví dụ: người có khả năng thực hiện nghĩa vụ nhưng cố ý bỏ mặc, dẫn đến tình trạng người được nuôi dưỡng rơi vào hoàn cảnh thiếu thốn nghiêm trọng, bị đe dọa đến sức khỏe hoặc tính mạng và tình trạng đó kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định trước khi mở thừa kế (chẳng hạn ba năm). Những hoàn cảnh như mất nơi ở, trẻ vị thành niên buộc phải bỏ học hoặc rơi vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng có thể được coi là minh chứng cụ thể.

Hai là, khái niệm “người không được quyền hưởng di sản” cũng cần được định nghĩa trực tiếp trong Bộ luật để tránh sự mơ hồ. Chẳng hạn, có thể quy định rõ đây là những cá nhân vốn có quyền thừa kế nhưng bị tước quyền này do có hành vi trái với các chuẩn mực pháp lý và đạo đức mà pháp luật đặt ra.

Ba là, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 621 liên quan đến các hành vi như giả mạo, sửa đổi, hủy hoặc che giấu di chúc hiện chưa bao quát hết các tình huống. Thực tế cho thấy, đôi khi hành vi này không xuất phát từ mục đích trục lợi cho bản thân người thực hiện, mà nhằm tạo điều kiện để một người thừa kế khác được hưởng di sản trái với ý chí của người lập di chúc. Nếu vẫn cho phép họ nhận di sản thì sẽ mâu thuẫn với nguyên tắc bảo vệ ý chí của người để lại di sản. Do đó, nên quy định rằng bất kỳ ai thực hiện các hành vi khiến

việc phân chia di sản đi ngược lại mong muốn của người lập di chúc đều không được hưởng di sản, dù lợi ích cuối cùng thuộc về ai. Đồng thời, việc xác định vi phạm cần dựa trên phán quyết của tòa án có thẩm quyền nhằm đảm bảo tính khách quan và chặt chẽ.

4. Kết luận

So với các văn bản pháp luật về thừa kế trước đây, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện quy định về thừa kế, đặc biệt là về người không được quyền hưởng di sản (Điều 621). Quy định này có ý nghĩa sâu sắc cả về pháp lý lẫn xã hội, góp phần bảo đảm sự công bằng trong việc phân chia tài sản thừa kế và thể hiện vai trò của pháp luật trong bảo vệ các giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa, đồng thời nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội.

Về phương diện lý luận, thừa kế là quan hệ pháp luật sở hữu đặc thù, gắn liền với trách nhiệm và nghĩa vụ của người thừa kế. Việc xác định chính xác những người bị tước quyền hưởng di sản không chỉ giúp đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên mà còn ngăn ngừa, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp thừa kế và củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, Hà Nội.
2. Quốc hội (2015), *Bộ Luật Dân sự năm 2015*, Hà Nội.

3. Quốc hội (2015), *Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)*, Hà Nội. đề lý luận và thực tiễn, NXB Lao động và xã hội.
4. Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang (2017), *Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp*, NXB Tư pháp.
5. Nguyễn Minh Tuấn (2019), *Pháp luật về thừa kế của Việt Nam - Những vấn*
6. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Lý luận chung Nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp.
7. Phùng Trung Tập (2022), *Pháp luật thừa kế ở Việt Nam - Nhận thức và Áp dụng*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.